

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72 /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico số 009/2025/CVMT ngày 11/9/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 396/TTr-SNNMT ngày 29/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico, địa chỉ tại thôn Trà Trì Phú, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Trà Trì Phú, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3200693283 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/06/2025.

1.4. Mã số thuế: 3200693283.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 39.945 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Hạng mục hiện có: Nhà xưởng 1: 12.932,80 m²; Nhà nồi hơi khí nóng: 131,70 m²; Nhà khí nén (Không khí): 50,84 m²; Nhà bentonite 1: 46,08 m²; Nhà xưởng 2: 7.713,75 m²; Xây dựng mới: Nhà Khu gia công cơ khí: 84,0 m², Nhà khí nén mở rộng: 54,97 m², Kho chứa Bentonite 2: 20,0 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ với tổng diện tích: 9.762,80 m², trong đó xây mới: Nhà mẫu, Nhà ăn, Nhà locker, Nhà bảo vệ.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải: 107,50 m²; Khu chứa rác: 222 m²; Khu chứa rác nguy hại: 40 m²; Nhà hút bụi 1: 36,40 m²; Cây xanh: 8.667,28 m²; Xây mới: Nhà hút bụi 2: 74,88 m², tuyến đường ống và điểm thoát nước thải, nhà vệ sinh.

- Nhóm Dự án: B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất: Sản xuất tấm Calcium Silicate: Nâng công suất từ 5.000.000m² thành phẩm/năm lên 15.000.000 m² thành phẩm/năm; Đầu tư sản xuất 02 sản phẩm mới: Sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng: 20.000 tấn/năm; Sản xuất khung thanh trần: 10.000 tấn/năm.

- Tóm tắt Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate: Nguyên liệu → Nghiền → sàng phân loại → Trộn nguyên liệu → Trải thành tấm → Xếp chồng và nén → Hấp bảo dưỡng → Kiểm tra chất lượng → chà nhám, cắt → đóng gói lưu kho → xuất bán.

+ Dây chuyền sản xuất vữa xây dựng chuyên dụng (Dây chuyền mới): Nguyên liệu → sàng phân loại → phối trộn → đóng bao → đóng gói lưu kho.

+ Dây chuyền sản xuất khung thanh trần (Dây chuyền mới): Nguyên liệu → Gá, nẹp nguyên liệu → cán → đóng gói → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → nhập kho thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về Bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Hiệp Phú - Vico;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND xã Vĩnh Định;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12/GPMT-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng - hành chính.
- + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1.
- + Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng 2.
- + Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà locker.
- + Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà căn tin.
- + Nguồn số 7: Nước thải sản xuất phát sinh tại dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate - khu vực nhà xưởng 1.
- + Nguồn số 8: Nước thải sản xuất phát sinh tại dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate - khu vực nhà xưởng 2.
- + Nguồn số 9: Nước xả cặn lò hơi từ Lò đốt dầu DO.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải số 1 (tương ứng nguồn thải số 1 - số 9): Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh tại mỗi khu vực sẽ được thu gom bằng đường ống HDPE Ø160 và Ø200 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công nghệ sinh học kết hợp hóa lý, công suất 100m³/ngày đêm, xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), sau đó được dẫn theo đường ống HDPE Ø300 thoát ra khe nước phía Tây Bắc và chảy về nguồn tiếp nhận là bầu Sủ thuộc địa phận thôn Trà Trì Phú, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: thôn Trà Trì Phú, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.850.560m; Y: 605.575m

(Hệ Tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý được dẫn theo đường ống HDPE Ø300 thoát ra khe nước tự nhiên phía Tây Bắc Nhà máy và chảy về nguồn tiếp nhận là bầu Sứ.
- Xả thải theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24/24h).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	03 tháng/lần, theo đề xuất của Chủ Cơ sở	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	≤ 40		
3	pH	-	6 - 9		
4	Độ màu	Pt-Co	≤ 100		
5	TSS	mg/l	≤ 80		
6	BOD ₅	mg/l	≤ 60		
7	COD	mg/l	≤ 90		
8	Tổng N	mg/l	≤ 40		
9	Tổng P	mg/l	≤ 6		
10	Fe	mg/l	≤ 10		
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0		
12	Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên tại 03 Nhà vệ sinh đã xây dựng tại khu vực Nhà văn phòng - hành chính, Nhà bảo vệ, Nhà xưởng 1, 03 Nhà vệ sinh xây dựng mới tại Nhà xưởng 2, Nhà Locker, Căn tin được thu gom bằng ống HDPE Ø160 từ nhà vệ sinh dẫn vào xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi khu vực, nước thải sau đó sẽ theo đường ống HDPE Ø200 với tổng chiều dài 655m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung nằm ở phía Bắc của Nhà máy để tiếp tục xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Đối với khu vực Căn tin: Nhà máy sẽ không có hoạt động nấu ăn cho cán bộ nhân viên tại Nhà máy. Việc cung cấp suất ăn cho cán bộ nhân viên của Nhà máy hiện nay đã được Công ty hợp đồng với đơn vị có năng lực thực hiện.

b. Nước thải sản xuất:

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực Nhà xưởng 1 đã được đầu tư hệ thống thu gom bằng đường ống HDPE Ø200 dài 130m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2 thuộc hạng mục dự án nâng công suất, Nhà máy sẽ đầu tư hệ thống thu gom bằng đường ống HDPE Ø200 dài 300m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải xả cặn lò hơi phát sinh tại lò đốt hơi dầu DO đã được đầu tư hệ thống thu gom theo rãnh thoát nước kích thước 50x50cm, dài 15m bên trong nhà lò hơi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B) sẽ được dẫn theo đường ống HDPE Ø300 dài đến hố gas kích thước (1,0m x 1,0m x 1,0m), có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, sau đó thoát ra khe nước phía Tây Bắc và đổ vào khu vực Bàu Sứ.

c. Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã xây dựng:

+ Những khu vực có mái che sẽ được bố trí tuyến ống nhựa PVC110-140 dẫn xuống hệ thống cống thoát ở dưới mặt đất. Các cống thoát này được bố trí quanh các khu nhà trong Nhà máy.

+ Những khu vực không có mái che, (sân, thảm cỏ, đường nội bộ...) nước mưa sẽ được thu gom theo một hệ thống mương bê tông cốt thép có bề rộng trung bình 0,6m cao trung bình 0,8m chạy xung quanh khuôn viên Nhà máy. Trong đó, bố trí các hố thu có nắp đậy với song chắn rác. Dưới tuyến cống sẽ bố trí các hố ga lắng cát.

+ Nước ngưng từ điều hòa, làm lạnh: Toàn bộ được thu gom bằng máng và ống thu nước rồi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

+ Toàn bộ tuyến thoát trong khu vực Nhà máy được xây dựng bằng bê tông cốt thép (rộng 0,6m; sâu 0,8m) với tổng chiều dài khoảng 550m, thu nước qua song chắn rác và các tấm đan có đục lỗ 5-8mm. Các song chắn rác với kích thước khe hở 8 mm.

+ Nước mưa trên toàn bộ mặt bằng được thu gom bởi hệ thống mương bê tông riêng biệt rồi dẫn theo kênh kín chảy ra khe nước phía Tây - Tây Bắc Nhà máy.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa xây dựng mới: Quá trình mở rộng quy mô, Nhà máy sẽ đầu tư xây dựng mới 01 nhà xưởng, hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại khu vực nhà xưởng 2 sẽ được đầu tư xây dựng như sau:

+ Những khu vực có mái che sẽ được bố trí tuyến ống nhựa PVC110-140 dẫn xuống hệ thống cống thoát ở dưới mặt đất. Các cống thoát này được bố trí quanh các khu nhà trong Nhà máy.

+ Nước ngưng từ điều hòa, làm lạnh: Toàn bộ được thu gom bằng máng và ống thu nước rồi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

+ Toàn bộ tuyến thoát nước khu vực nhà xưởng 2 được xây dựng bằng BTCT (rộng 0,6m; sâu 0,8m) với tổng chiều dài khoảng 450m, thu nước qua song chắn rác và các tấm đan có đục lỗ 5-8mm sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa hiện trạng của Nhà máy chảy ra khe nước phía Tây - Tây Bắc Nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Công trình đã xây dựng: 03 bể tự hoại tại Nhà vệ sinh khu vực Nhà văn phòng - Hành chính; Nhà xưởng 1 và Nhà bảo vệ với tổng thể tích 16,2 m³.

- Công trình xây mới: Xây dựng mới 03 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà xưởng 2 xây dựng mới.

Bảng 1. Kích thước các bể tự hoại tại các khu vực

TT	Khu vực	Thể tích (m ³)	Ghi chú
1	Nhà văn phòng - hành chính	5,4	Đã xây dựng
2	Nhà bảo vệ	5,4	Đã xây dựng
3	Nhà xưởng 1	5,4	Đã xây dựng
4	Nhà xưởng 2	5,4	Xây dựng mới
5	Nhà Locker	5,4	Xây dựng mới
6	Căn tin	5,4	Xây dựng mới
	Tổng	32,4	

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống HDPE Ø200 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để tiếp tục xử lý trước khi thoát ra môi trường.

1.2.2. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (Xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn)
+ Nước thải xám (Song chắn rác-SCR) + Nước thải sản xuất → Bể thu gom + tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ – tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Anoxic (thiếu khí) → Bể Aerotank (hiếu khí) → Bể lắng 2 → Bể khử trùng (Bảng Chlorine) → Xả thải ra môi trường.

- Kích thước các bể xử lý:

TT	Công trình	Số lượng	Kích thước xây dựng	Đơn vị	Thể tích
1	Bể gom T-101	01	- Kích thước (LxBxH): ngăn 1: (1,29m x 1,10m x 2,0m); ngăn 2: (1,29m x 1,24m x 2,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	6,04
2	Bể điều hòa T-102	01	- Kích thước (LxBxH): (3,0m x 3,94m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	47,28
3	Bể hóa lý T-103	01	- Kích thước (LxBxH): ngăn 1 (1,45m x 0,8m x 4,0m); ngăn 2 (1,45m x 0,8m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	9,28
4	Bể lắng 1 T-104	01	- Kích thước (LxBxH): (2,5m x 2,5m x 3,4m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	21,25
5	Bể Anoxic T-105	01	- Kích thước (LxBxH): (2,5m x 2,10m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	21,0
6	Bể Aerotank T-106	01	- Kích thước (LxBxH): (4,96m x 3,4m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	67,46
7	Bể lắng 2 T-107	01	- Kích thước (LxBxH): (3,0m x 3,0m x 3,2m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	28,80
8	Bể chứa bùn T-108	01	- Kích thước (LxBxH): (3,0m x 1,74m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	20,88
9	Bể khử trùng	01	- Kích thước (LxBxH): (1,0m x 1,0m x 0,8m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	0,80
10	Hồ quan trắc	01	- Kích thước (LxBxH): (1,0m x 1,0m x 1,0m) - Quy cách xây dựng: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m ³	1,00
11	Nhà điều hành	01	- Kích thước (LxBxH): (11,6m x 3,0m x 4,0m) - Quy cách xây dựng: nền BT, tường gạch, trần bê tông, mái lợp tôn chống nóng	m ²	34,80

- Công suất 100 m³/ngày đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer A, Clorin, Methanol, Acid Sulfuric (H₂SO₄), Men vi sinh, NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở sau hoạt động nâng công suất có tổng lượng nước thải phát sinh là 100 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình vận hành của Hệ thống thu gom, xử lý nước thải; theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Thường xuyên quan sát, tu sửa, gia cố bảo dưỡng hệ thống xử lý, nạo vét cặn lắng từ mương, rãnh thoát nước.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý khi cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý và nhằm phát hiện các sự cố để kịp thời điều chỉnh.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động sản xuất, không phát sinh thêm nước thải; bơm quay vòng nước thải vào hệ thống xử lý và tiến hành kiểm tra, khắc phục.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục sự cố xảy ra. Nếu có sự cố xảy ra, phải nhanh chóng khắc phục sự cố và báo cáo cho chính quyền địa phương biết, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở mở rộng, nâng cấp đã có công trình hệ thống xử lý nước thải với công suất 100 m³/ngày đêm được UBND tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý nước thải với công suất 100 m³/ngày đêm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Hoàn thiện công trình điểm xả nước thải sau khi điều chỉnh vị trí xả thải, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nhằm kiểm soát lượng nước thải sau xử lý.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết.

3.5. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Đầu tư bổ sung Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo công suất xử lý nếu lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống như đã cam kết.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 72/GPMT-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ khu vực máy mài lớn dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ khu vực máy mài nhỏ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.
- Nguồn số 3: Bụi phát sinh từ khu vực cắt 4 dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.
- Nguồn số 4: Bụi phát sinh từ khu vực cắt mẫu dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.
- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ khu vực máy mài lớn dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.
- Nguồn số 6: Bụi phát sinh từ khu vực máy mài nhỏ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.
- Nguồn số 7: Bụi phát sinh từ khu vực cắt 4 dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.
- Nguồn số 8: Bụi phát sinh từ khu vực cắt mẫu dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.
- Nguồn số 9: Khí thải từ Lò hơi đốt dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng thải số 1 (tương ứng nguồn thải số 1 đến nguồn số 4): Bụi phát sinh tại khu vực nhà xưởng 1 sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 2 (tương ứng nguồn thải số 5 đến nguồn 8): Bụi phát sinh tại khu vực nhà xưởng 2 sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 3 (tương ứng nguồn thải số 9): Khí phát sinh tại khu vực Lò hơi đốt dầu DO hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt. Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Thôn Trà Trì Phú, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.
- Nguồn tiếp nhận:
 - + Dòng thải số 1: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 10m, đường kính D816mm thoát ra môi trường.
 - + Dòng thải số 2: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 10m, đường kính D816mm thoát ra môi trường.
 - + Dòng thải số 3: Khí thải sau khi xử lý sẽ thoát qua ống khói cao 15m, đường kính D650mm thoát ra môi trường.
- Tọa độ vị trí xả thải:
 - + Dòng thải số 1: X: 1.850.588m; Y: 605.745m.
 - + Dòng thải số 2: X: 1.850.480m; Y: 605.787m.
 - + Dòng thải số 3: X: 1.850.593m; Y: 605.771m.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', mũi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 1: 33.400 m³/h.
- Dòng thải số 2: 33.400 m³/h.
- Dòng thải số 3: 4.600 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả cưỡng bức, xả liên tục trong ca sản xuất.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Bụi, khí thải phải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 1, 2			03 tháng/lần, theo đề xuất của Chủ Cơ sở	Không áp dụng
1	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
I	Dòng thải số 3				
1	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO ₂	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại Nhà xưởng 1: Bụi phát sinh tại các công đoạn đã được thu gom bằng 04 vị trí chụp hút và dẫn bằng hệ thống đường ống dẫn kích thước Ø600, chiều dài 100m về hệ thống xử lý lọc bụi túi vải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường

Số lượng chụp hút: 04 vị trí, cụ thể:

+ Vị trí số 01: Tại khu vực máy mài lớn dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.

+ Vị trí số 02: Tại khu vực máy mài nhỏ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.

+ Vị trí số 03: Tại khu vực cắt 4 dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.

+ Vị trí số 04: Tại khu vực cắt mẫu dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 1.

- Đối với bụi từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại Nhà xưởng 2 xây dựng mới: Bụi phát sinh tại các công đoạn sẽ được thu gom bằng 04 vị trí chụp hút và dẫn bằng hệ thống đường ống dẫn kích thước Ø600, chiều dài 80m về hệ thống xử lý lọc bụi túi vải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường. Số lượng chụp hút: 04 vị trí, cụ thể:

+ Vị trí số 05: Tại khu vực máy mài lớn dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.

+ Vị trí số 06: Tại khu vực máy mài nhỏ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.

+ Vị trí số 07: Tại khu vực cắt 4 dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.

+ Vị trí số 08: Tại khu vực cắt mẫu dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại khu vực nhà xưởng 2.

- Đối với khí thải từ lò hơi đốt dầu DO: Để xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi đốt dầu DO, Công ty hiện này đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Bụi từ dây chuyền sản xuất tấm Calcium Silicate tại Nhà xưởng 1 và Nhà xưởng 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ dây chuyền phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi túi vải (buồng chứa) → Quạt hút → Ống khói cao 10m → Môi trường tiếp nhận.

- Thông số hệ thống lọc bụi tại Nhà xưởng số 1:

- + Công suất quạt hút: $33.400 \text{ m}^3/\text{h}$;
- + Tốc độ lọc không khí: $1,2 - 2,0 \text{ m}^3/\text{h}$;
- + Diện tích lưới lọc 465 m^2 ;
- + Túi lọc: 480 túi;
- + Lực cản bộ lọc: $1.470 - 1.770 \text{ Pa}$;
- + Áp suất khí nén để làm sạch bụi: $0,5 - 0, \text{Mpa}$;
- + Motor quạt hút: 45 kW ;
- + Đường kính cửa xả: 600mm ;
- + Ống khói: Cao 10m , $D = 816\text{mm}$;
- + Vải lọc: Chất liệu túi lọc phù hợp với các loại bụi như: bụi thường, bụi nhiệt, bụi tĩnh điện hay bụi dầu...

- Thông số hệ thống lọc bụi tại Nhà xưởng số 2:

- + Công suất quạt hút: $33.400 \text{ m}^3/\text{h}$;
- + Tốc độ lọc không khí: $1,2 - 2,0 \text{ m}^3/\text{h}$;
- + Diện tích lưới lọc 465 m^2 ;
- + Túi lọc: 480 túi;
- + Lực cản bộ lọc: $1.470 - 1.770 \text{ Pa}$;
- + Áp suất khí nén để làm sạch bụi: $0,5 - 0, \text{Mpa}$;
- + Motor quạt hút: 45 kW ;
- + Đường kính cửa xả: 600mm ;
- + Ống khói: Cao 10m , $D = 816\text{mm}$;
- + Vải lọc: Chất liệu túi lọc phù hợp với các loại bụi như: bụi thường, bụi nhiệt, bụi tĩnh điện hay bụi dầu,....

- Công suất thiết kế:

- + Đã lắp đặt 01 hệ thống công suất $33.400 \text{ m}^3/\text{h}$.
- + Lắp đặt thêm mới 01 hệ thống xử lý công suất $33.400 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

* *Khí thải từ lò hơi đốt dầu DO:*

Đã lắp đặt lò hơi của hãng Jiangsu Olymspan. Đây là lò hơi với công nghệ khép kín, xử lý khí thải phát sinh trong quá trình đốt. Đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 kiểm tra và điều chỉnh hiệu suất lò hơi theo giấy

chứng nhận số 2021/283/TN7 và Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm Quảng Bình kiểm tra an toàn lò hơi theo giấy chứng nhận số 88/GCN-KĐ. Hệ thống này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 919/GXN-UBND ngày 09/3/2022, với các thông số như sau:

- Mã hiệu: WNS6-1.6-Y.Q;
- Áp suất thiết kế: 1,6 Mpa;
- Áp suất làm việc: <1,25 Mpa;
- Công suất: 600 kg/h.
- Nhiên liệu sử dụng: DO 0,05S
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa: 204°C;
- Ống khói: cao 15m; D = 650mm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

Trong thời gian tới, Khi thực hiện mua hơi từ Nhà máy sản xuất hơi bão hòa từ phế phẩm nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng (cũ) cấp giấy phép môi trường số 260/GPMT-UBND ngày 26/4/2025, thay thế dần việc sử dụng lò hơi bằng dầu DO. Khi Cơ sở hoàn thành việc nâng công suất giai đoạn 2 thì chủ yếu mua hơi từ Nhà máy sản xuất hơi bão hòa từ phế phẩm nông nghiệp; chỉ sử dụng lò đốt dầu DO để dự phòng cho hoạt động sản xuất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở nâng công suất có tổng lưu lượng khí thải phát sinh là 71.400 m³/h nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.
- Khi Nhà máy sẽ mua hơi từ Nhà máy sản xuất hơi bão hòa từ phế phẩm nông nghiệp thì sẽ thực hiện các giải pháp an toàn trong việc tiếp nhận hơi theo đúng giấy phép môi trường số 260/GPMT-UBND ngày 26/4/2025 đã được cấp và quy định an toàn liên quan.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm trong Quý III năm 2028 hoặc trước khi vận hành dây chuyền sản xuất tại khu vực Nhà xưởng 2. Trước khi vận hành thử nghiệm có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực Nhà xưởng 2.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi tại Nhà xưởng 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc: Tần suất quan trắc chất thải do Chủ Cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt Quy chuẩn Việt Nam về khí thải, nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý khí thải lò sấy đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất)
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 72 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực Nghiền, sàng nguyên liệu, cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất tấm Calcium silicate tại Nhà xưởng 1.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực Nghiền, sàng nguyên liệu, cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất tấm Calcium silicate tại Nhà xưởng 2.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực gá, nẹp nguyên liệu, cán sản phẩm tại dây chuyền Dây chuyền sản xuất khung thanh trần tại Nhà xưởng 1.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ khu vực Lò hơi đốt dầu DO.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực cấp liệu trong khu vực sản xuất và Khu vực Lò hơi đốt dầu DO.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Bên trong nhà xưởng sản xuất: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT	Không áp dụng
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT	

- Khu vực bên ngoài nhà xưởng: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc lò xo giảm chấn cho một số máy móc như máy bơm, máy nén khí, mô tơ điện... nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Đối với khu vực bố trí các dây chuyền sản xuất là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Công nhân làm việc trong nhà máy được trang bị các thiết bị chống ồn. Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi đảm bảo tỷ lệ theo quy định nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất)
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 72/GPMT-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Khối lượng	Trạng thái	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH	300 - 1000 kg/tháng	Rắn	18 02 01
2	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	250 - 2000 kg/tháng	Lỏng	17 05 04
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	50 - 200 kg/tháng	Rắn	18 01 02
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	200 - 400 kg/tháng	Rắn	18 01 04
5	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH	500 - 1500 kg/tháng	Lỏng	08 03 01

- Tổng khối lượng: Chất thải nguy hại ước tính phát sinh khoảng 800 kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CT	Khối lượng (kg/ngày)
1	Tấm hư hỏng, sản phẩm lỗi	Rắn	10 12 08	167
2	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	19 08 12	15-20
3	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	10 11 05	400

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Cơ sở khoảng 587 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: tối đa khoảng 90 kg/ngày.
- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Cơ sở sẽ được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Chất thải nguy hại được thu gom vào 08 thùng rác loại 240 L, có dán nhãn và ghi rõ loại chất thải nguy hại cần lưu trữ, trên có nắp đậy kín.
- Chất thải nguy hại được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại nằm góc phía Tây Bắc với diện tích 40 m², bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.
- Chất thải nguy hại được Công ty hợp đồng với Đơn vị có chức năng có Giấy phép hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.
- Nhà máy hiện nay đã bố trí các thùng rác loại: 09 thùng 25L, 09 thùng 60L, 03 thùng 120L và 22 thùng 240L tại mỗi khu vực văn phòng và sản xuất để thu gom và tự xử lý tại chỗ trong khuôn viên khu vực Nhà máy.
- Hàng ngày sẽ tiến hành vận chuyển đến khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đặt tại góc phía Tây Bắc và định kỳ hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý.
- Thành lập tổ công nhân vệ sinh từ công nhân của Công ty để quét dọn vệ sinh sân đường, tưới cây, thu dọn chất thải phát sinh vào đúng nơi quy định.
- Bùn tại bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng định kỳ 12 tháng hút 1 lần vận chuyển đi xử lý.
- Ban hành nội quy về vệ sinh môi trường trong khu vực Cơ sở và thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở cán bộ, công nhân thực hiện; lắp đặt biển báo nhắc nhở mọi người có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung và bỏ rác đúng nơi quy định.

** Đối với chất thải công nghiệp thông thường :*

Hiện nay, Nhà máy đã bố trí khu vực thu gom và lưu giữ chất thải rắn công nghiệp và hợp đồng với Đơn vị chức năng để đưa đi xử lý, cụ thể:

- + Khu vực chất thải công nghiệp diện tích 15 m²;

- + Khu vực bãi thải diện tích 16 m²;
- + Khu vực để tắm hồng diện tích 26 m².

- Đối với bùn nạo vét từ các cống, rãnh thoát nước, hồ thu và hồ môi trường: Công ty thực hiện biện pháp nạo vét định kỳ, thu gom tại mặt bằng và định kỳ hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế sẽ được thu gom và lưu trữ tại khu vực nhà chứa và hợp đồng với Đơn vị có chức năng để san lấp mặt bằng công trình xây dựng theo quy định.

- Đối với các thiết bị máy móc, vật tư (sắt thép phế liệu...) cần thay thế, sửa chữa: thực hiện thu gom và bố trí kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp tại khu vực Nhà máy và định hợp đồng thanh lý, nhượng bán sắt thép phế liệu cho Đơn vị có chức năng thu gom và đưa đi xử lý với tần suất 1 tháng/lần.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được thu gom và hợp đồng với Đơn vị có chức năng để tiến hành, thu gom xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về cháy nổ

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Nhà máy:

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy, bố trí thiết bị, nội quy và phối hợp với các cơ quan phòng cháy chữa cháy để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

- Đã thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định như được cấp thẩm quyền phê duyệt phòng cháy chữa cháy; thành lập kiện toàn Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại cơ sở; Ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số: 1717/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cấp ngày 11/11/2019.

+ Văn bản thẩm duyệt số 257/TD-PCCC ngày 27/08/2021, số 317/TD-PCCC ngày 14/10/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

+ Phương án chữa cháy của cơ sở và cứu nạn cứu hộ phê duyệt ngày 10/01/2022.

+ Biên bản nghiệm thu và văn bản chấp thuận số 348/NT-PCCC ngày 28/10/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

+ Bảo hiểm cháy nổ thời hạn đến ngày 31/12/2025.

+ Quyết định thành lập đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở.

+ Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy số 1421/QĐ-PC07 ngày 28/11/2023 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

+ Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về cứu nạn, cứu hộ số 57/QĐ-PC07 ngày 22/12/2021 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

+ Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Quảng Trị.

+ Kết quả kiểm tra kết quả điện trở tiếp đất số 0511.01/DDRTDD2021 ngày 19/10/2021; 0111.12÷016/VLXD09÷13 ngày 2/11/2022; 101123.001÷VLXD01÷05 ngày 10/11/2023; 081124.004/VLXD01÷05 ngày 8/11/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Quảng Trị.

+ Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Quyết định ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy, nội quy phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, nội quy sử dụng điện tại cơ sở.

- Việc phòng chống cháy nổ được thực hiện:

+ Tại chỗ: Các thiết bị phòng cháy chữa cháy như Hệ thống báo cháy tự động, các đầu cảm biến nhiệt, các bình chữa cháy CO₂, bình chữa cháy bột MFZ được bố trí bên trong khu vực nhà vận hành, trạm biến áp. Xây dựng bể chứa cấp nước, hệ thống đường ống và các tủ cấp nước phục vụ chữa cháy.

+ Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp: trong trường hợp cần thiết, có thể huy động thêm lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại địa phương để hỗ trợ.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia sẽ tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào khu vực chứa dầu.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

- Khi thực hiện mua hơi từ Nhà máy sản xuất hơi bão hòa từ phế phẩm nông nghiệp, Chủ cơ sở phối hợp với Chủ đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất hơi bão hòa từ phế phẩm nông nghiệp thực hiện các giải pháp Phòng cháy chữa cháy, an toàn đối với việc vận chuyển hơi theo đúng quy định của pháp luật và Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. An toàn giao thông

- Quy hoạch vị trí khu vực bến bãi hợp lý; bố trí biển báo, các chỉ dẫn rõ ràng về tốc độ, hướng rẽ....

- Yêu cầu các phương tiện chở đúng tải trọng xe, không chở quá tải làm hư hại đường và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.

- Lắp đặt biển báo quy định cụ thể về loại xe được lưu thông, giới hạn tốc độ phương tiện lưu thông...

3. An toàn lao động

- Lắp đặt, bố trí các quy trình sản xuất, quy trình an toàn tại các khu vực có thể xảy ra tai nạn lao động.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cần thiết bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất.

- Phổ biến, hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc được kiểm tra định kỳ.

- Định kỳ 01 lần/năm tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên và coi đây là một trong những nhiệm vụ của Công ty định kỳ khám bệnh định kỳ cho tất cả công nhân lao động trực tiếp

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động.

- Lập và phổ biến nội quy về an toàn, bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở xưởng sản xuất cũng như trong các khu vực của Nhà máy.

- Trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động, thực hiện sơ cứu người bị nạn sau đó đưa đến bệnh viện.

4. Phòng ngừa sự cố từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải

- Để phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, Nhà máy đã xây dựng nội quy dành riêng cho khu xử lý nước thải. Cán bộ phụ trách vận hành cần:

+ Thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo, chuyển giao nhân lực cho công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị: Đảm bảo các thiết bị như máy bơm và thiết bị sục khí hoạt động hiệu quả.

- Cải thiện thông khí: Đảm bảo không khí được cung cấp đầy đủ cho các bể xử lý để hỗ trợ vi sinh vật phát triển.

- Quản lý chất thải: Sử dụng song chắn rác và các biện pháp lọc để ngăn chặn rác thải nhỏ lọt vào hệ thống.

- Điều chỉnh quy trình xử lý: Tăng cường lượng chất hữu cơ hoặc điều chỉnh thời gian lưu bùn để cải thiện hiệu quả xử lý.

Việc nắm rõ các sự cố này và có biện pháp khắc phục kịp thời sẽ giúp duy trì hoạt động ổn định của hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

- Khi xảy ra các sự cố của hệ thống, nhân viên vận hành cần tuân thủ các bước sau:

+ Thực hiện khẩn trương việc khắc phục sự cố theo chỉ dẫn của nhà cung cấp;

+ Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục;

+ Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ chuyên môn, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

+ Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

5. Phòng ngừa sự cố từ hệ thống xử lý khí thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thiết kế hệ thống phù hợp với thành phần và lưu lượng khí thải.

+ Xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng và kiểm soát chất lượng.

+ Đào tạo nhân viên vận hành có chuyên môn và kinh nghiệm.

- Biện pháp ứng phó

+ Giám sát liên tục: Thiết lập hệ thống giám sát để theo dõi hiệu suất hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, giúp phát hiện sớm các vấn đề tiềm ẩn.

+ Ngừng hoạt động hệ thống: Nếu sự cố nghiêm trọng, tạm dừng hoạt động của hệ thống để tránh tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng hơn.

+ Vệ sinh và bảo trì: Tiến hành vệ sinh hệ thống, thay thế than hoạt tính hoặc các bộ phận hư hỏng để khôi phục hiệu suất xử lý.

+ Xem xét lại quy trình: Sau khi khắc phục sự cố, Chủ cơ sở sẽ đánh giá lại quy trình vận hành để phát hiện các điểm yếu và cải thiện.

6. Phòng ngừa sự cố rò rỉ, hóa chất

Để phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại do sự cố rò rỉ, tràn đổ hoá chất có thể xảy ra trong quá trình vận hành, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Chủ cơ sở sẽ xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất và trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Kho bảo quản, thiết bị chứa hoá chất đáp ứng các quy định của quy phạm pháp luật về an toàn, phòng chống cháy, nổ. Có bảng ghi những quy định và hướng dẫn biện pháp an toàn cho người làm việc trong kho; Có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy.



- Người ra vào kho chứa hoá chất nguy hiểm được kiểm tra và đăng ký vào sổ nhật ký.

- Kho chứa được thiết kế phù hợp cho việc lưu trữ, sử dụng và ứng cứu sự cố như: phân vùng cất trữ, các giá kệ không được thiết kế quá cao, sàn nhà phải nghiêng về một phía để dễ thu gom khi hóa chất tràn đổ hay rò rỉ.

- Trang bị các phương tiện ứng cứu như: cát, giẻ lau, bông thấm...

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 1, 2.

2. Giám sát chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3. Giám sát môi trường lao động theo đúng quy định.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở: Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate (Mở rộng, nâng công suất)

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 72 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Chủ Cơ sở đã thực hiện hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate” và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Nhà máy chế biến cát thạch anh và Nhà máy sản xuất tấm Calcium Silicate”.

2. Hoàn thiện việc điều chỉnh vị trí xả nước thải từ phía Nam Nhà máy sang phía Tây Bắc Nhà máy, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng thải trước 20/10/2025.

3. Thực hiện hoàn thiện đầu tư các công trình biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn mở rộng đảm bảo xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi thoát ra môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ thu gom, xử lý các nguồn nước thải, bụi, khí thải đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo không để chất thải không được xử lý xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến người dân.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số

07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Xử lý nước thải, khí thải đảm bảo Quy chuẩn Việt Nam xả thải trước khi thải ra môi trường.

4. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2 và 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do Chủ cơ sở cung cấp; Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.